

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 919/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/07/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nhất Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ.

2. Bà Lê Thị Tý.

- **Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Võ Minh Tiệp – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 03 năm 2023, về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 157/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thanh Thanh N, sinh năm: 1992;

Thường trú: 243 C, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai; (Có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Tống Thành P, sinh năm: 1973;

Thường trú: 532/20/8E K, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Trương Thanh Thanh N và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Trương Thanh Thanh N trình bày: bà và ông Tống Thành P kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường

M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/04/2019. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ và không thống nhất được cách giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm kéo dài trong nhiều năm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp. Từ năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tống Thành P.

+Về con chung: có 01 con chung tên Tống Kim M, sinh ngày 25/4/2021, hiện nay đang sống cùng với bà N, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tống Kim M, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

+Về tài sản chung, nợ chung: bà Trương Thanh Thanh N khai không có.

Bị đơn ông Tống Thành P: bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thanh Thanh N có đơn xin vắng mặt, ông Tống Thành P vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* bà Trương Thanh Thanh N và ông Tống Thành P có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/04/2019, bà N có yêu cầu xin ly hôn với ông Tống Thành P đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Tống Thành P cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* nguyên đơn là bà Trương Thanh Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Tống Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Tống Thành P vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/04/2019, cùng lời khai của bà Trương Thanh Thanh N về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có

căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Trương Thanh Thanh N và ông Tống Thành P là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trương Thanh Thanh N có yêu cầu ly hôn với ông Tống Thành P vì giữa bà và ông P trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, cả hai bắt đầu sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Đối với ông Tống Thành P, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông đến Tòa để làm việc nhưng ông không đến Tòa và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Trương Thanh Thanh N.

Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng trong quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thanh Thanh N và ông Tống Thành P là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, đồng thời ông P cũng không có ý kiến gì về yêu cầu và những nội dung mà bà N đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nên việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: bà N và ông P có 01 con chung tên Tống Kim M, sinh ngày 25/4/2021 (dưới 36 tháng tuổi), hiện nay đang sống cùng với bà N. Cần chấp nhận yêu cầu của bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tống Kim M. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thanh Thanh N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với quy định của pháp luật nên thống nhất

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thanh Thanh N đối với ông Tống Thành P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/04/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Tống Kim M, sinh ngày 25/4/2021. Giao trẻ Tống Kim M cho bà Trương Thanh Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trương Thanh Thanh N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu số 0010858 ngày 09/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thanh Thanh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- TAND, VKSND TP.HCM;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nhất Bình